



LIST OF STUDENTS

CAPSTONE PROJECT CYCLE 12



	AUT ID	HCMUS ID	STUDENT NAME		CLASS
1	20108977	1559038	DUONG GIA	THUAN	Cycle 12
2	20107741	1659004	MAI THANH	BINH	Cycle 12
3	18022028	1659021	NGO TA HOANG	MINH	Cycle 10
4	18023128	1659024	NGUYEN HOANG	NAM	Cycle 10
5	19071468	1759010	TRAN DINH	HUNG	Cycle 11
6	19086066	1759017	VO TIEN	KHOA	Cycle 11
7	19072619	1759028	BUI MINH	NHAT	Cycle 11
8	20108272	1759038	NGUYEN VU ANH	THU	Cycle 12
9	20109134	1759039	HUYNH XUAN	TIN	Cycle 12
10	20107762	1859003	LAM KIM	BANG	Cycle 12
11	20107759	1859005	PHAN NGUYEN TRONG	DAI	Cycle 12
12	20107791	1859009	NGUYEN HOANG	DUY	Cycle 12
13	20108884	1859010	PHAM MINH	DUY	Cycle 12
14	20107793	1859012	NGO GIA	HAN	Cycle 12
15	20107770	1859016	TRAN GIA	HOA	Cycle 12
16	20108273	1859018	DANG HUY	HOANG	Cycle 12
17	20108863	1859019	PHAN BAO KHANH	HUNG	Cycle 12
18	20109054	1859021	VUONG QUANG	HUY	Cycle 12
19	20095988	1859024	DUONG THANH	KHUONG	Cycle 12
20	20107957	1859025	THAI QUANG	LAM	Cycle 12
21	20108274	1859026	NGUYEN VU TRONG	LE	Cycle 12
22	20107896	1859027	DOAN VAN THANH	LIEM	Cycle 12
23	20096535	1859029	TRAN DAO HOANG	LONG	Cycle 12
24	20107795	1859030	BUI NGUYEN HOANG	LONG	Cycle 12
25	20107969	1859031	NGO HOANG	LONG	Cycle 12
26	20107753	1859032	DO PHUONG NHAT	MINH	Cycle 12
27	20107785	1859033	QUACH HOANG	MINH	Cycle 12
28	20108073	1859034	TRAN NGOC PHUONG	MY	Cycle 12
29	20107788	1859035	NGUYEN BAO	NGUYEN	Cycle 12
30	20108543	1859039	NGUYEN VU ANH	QUAN	Cycle 12
31	20108481	1859042	TO THANH	TAI	Cycle 12
32	20107915	1859043	BUI NHAT	TAN	Cycle 12
33	20107942	1859044	LAI THIEN	THACH	Cycle 12
34	20108038	1859047	NGUYEN HUU MINH	TRANG	Cycle 12
35	20108362	1859048	DOAN MINH	TUAN	Cycle 12
36	20108270	1859049	LE HOANG LONG	VU	Cycle 12
37	20108245	1859050	NGUYEN VO THANH	VY	Cycle 12

(The student list order is sorted by HCMUS ID)